



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THÁI BÌNH

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012
đã được kiểm toán

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	05 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 23



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thái Bình (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

Khái quát

Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thái Bình được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần theo quyết định số 731/QĐ-UB ngày 04/04/2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình và được bàn giao làm đơn vị thành viên Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu - NGK Hà Nội theo công văn số 3047/CN-TCCB ngày 13/06/2005 của Bộ Công Nghiệp.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 080300218 ngày 29/07/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Bình cấp. Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 1000317707 thay đổi lần 4 ngày 13 tháng 08 năm 2012.

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất bia chai, bia hơi;

Trụ sở chính của Công ty tại số 309 Lý Thường Kiệt, Phường Trần Lãm, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm 2012 và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hồng Linh	Chủ tịch	
Ông Vũ Thanh Liêm	Thành viên	
Ông Phạm Việt Dũng	Thành viên	
Ông Nguyễn Đức Thắng	Thành viên	Đến 23/09/2012
Ông Hoàng Trọng Thư	Thành viên	

Các thành viên của Ban Giám đốc trong năm 2012 và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Vũ Thanh Liêm	Giám đốc	
Ông Nguyễn Đức Thắng	Phó Giám đốc	Đến 23/09/2012

Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm 2012 và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đỗ Duyên Ninh	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Minh Thế	Thành viên	
Bà Phạm Thị Thu Hiền	Thành viên	

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Giám đốc



Vũ Thanh Liêm
Giám đốc

Thành phố Thái Bình, Ngày 20 tháng 02 năm 2013

CHỖ ĐÓNG
CHỮ
KÝ
TỔNG
GIÁM
ĐỐC
CÔNG
TY

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
Về Báo cáo tài chính năm 2012
của Công ty Cổ phần Bia Hà Nội – Thái Bình

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội – Thái Bình

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bia Hà Nội – Thái Bình được lập ngày 15/01/2013 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 05 đến trang 23 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Hà Nội – Thái Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt



Nguyễn Minh Tiến
Chứng chỉ KTV số: 0547/KTV

Kiểm toán viên

Lê Hồng Đào
Chứng chỉ KTV số: 1732/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		85.880.065.783	105.001.674.923
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	16.876.239.516	24.112.423.850
1. Tiền	111		3.009.470.996	9.912.423.850
2. Các khoản tương đương tiền	112		13.866.768.520	14.200.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		58.449.505.665	66.040.920.020
1. Phải thu khách hàng	131		3.896.097.251	1.858.643.107
2. Trả trước cho người bán	132		54.231.114.200	64.039.989.003
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.2	322.294.214	142.287.910
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.3	9.363.468.595	14.707.735.083
1. Hàng tồn kho	141		9.363.468.595	14.707.735.083
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.190.852.007	140.595.970
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		55.872.931	103.595.970
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		962.979.076	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		172.000.000	37.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		195.580.714.496	115.156.928.997
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		53.250.000	187.750.000
1. Phải thu dài hạn khác	218		53.250.000	187.750.000
II. Tài sản cố định	220		194.520.942.901	112.491.329.593
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.4	21.247.279.278	25.888.451.796
- Nguyên giá	222		99.360.208.955	99.360.208.955
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(78.112.929.677)	(73.471.757.159)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.5	-	27.359.315
- Nguyên giá	228		107.282.000	107.282.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(107.282.000)	(79.922.685)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.6	173.273.663.623	86.575.518.482



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.006.521.595	2.477.849.404
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	1.006.521.595	2.477.849.404
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		281.460.780.279	220.158.603.920

0305
C
TRÁCH
DỊCH
TÀI CH
VÀ
NF
TNT


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		160.463.862.056	104.577.944.828
I. Nợ ngắn hạn	310		23.943.146.372	51.718.280.130
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	35.000.000.000
2. Phải trả người bán	312		8.293.064.508	915.167.019
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.8	8.112.217.878	9.123.889.386
5. Phải trả người lao động	315		2.015.067.777	3.582.999.000
6. Chi phí phải trả	316	V.9	3.190.908.572	1.665.428.864
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.10	517.121.510	872.663.134
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.814.766.127	558.132.727
II. Nợ dài hạn	330		136.520.715.684	52.859.664.698
1. Phải trả dài hạn khác	333	V.11	2.368.730.506	2.182.371.796
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.12	134.115.621.542	48.911.158.270
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	1.729.771.000
4. Doanh thu chưa thực hiện	338		36.363.636	36.363.632
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		120.996.918.223	115.580.659.092
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	120.996.918.223	115.580.659.092
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		76.912.260.000	76.912.260.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.844.996.673	2.844.996.673
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(1.713.186.557)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		27.443.946.976	21.386.407.198
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.360.000.000	3.360.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		10.435.714.574	12.790.181.778
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		281.460.780.279	220.158.603.920

Người lập biểu



Nguyễn Thanh Chương

Kế toán trưởng




Hoàng Trọng Thư

Vũ Thanh Liêm

Thành phố Thái Bình, ngày 20 tháng 02 năm 2013

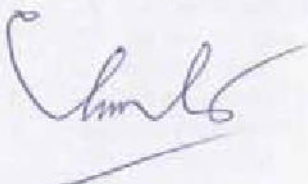
1388
CÔNG TY
HỆM H
VỤ T
NH KẾ
CẨM T
M. VI
CH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	167.405.550.401	162.690.588.220
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	51.304.730.400	49.870.229.462
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	116.100.820.001	112.820.358.758
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	91.782.921.614	90.881.057.589
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		24.317.898.387	21.939.301.169
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	672.437.093	1.743.544.627
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	66.757.007	154.532.718
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		66.757.007	154.532.718
8. Chi phí bán hàng	24		3.739.316.009	3.463.876.717
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.923.001.319	3.240.082.276
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.261.261.145	16.824.354.085
11. Thu nhập khác	31		2.217.158	462.713.923
12. Chi phí khác	32		3.023.225	123.004.879
13. Lợi nhuận khác	40		(806.067)	339.709.044
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.260.455.078	17.164.063.129
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	4.824.740.504	4.373.881.351
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10.435.714.574	12.790.181.778
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	1.357	2.441

Người lập biểu



Nguyễn Thanh Chương

Kế toán trưởng



Hoàng Trọng Thư



Vũ Thanh Liêm

Thành phố Thái Bình, ngày 20 tháng 02 năm 2013.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	01			
1. Lợi nhuận trước thuế			15.260.455.078	17.164.063.129
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		4.668.531.833	4.653.984.576
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(672.302.878)	(1.734.094.627)
- Chi phí lãi vay	06		66.757.007	154.532.718
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		19.323.441.040	20.238.485.796
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		6.694.500.759	15.055.914.524
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		5.344.266.488	(543.544.735)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		5.739.257.918	(212.574.696)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.519.050.848	(1.289.428.873)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(66.757.007)	(154.532.718)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(4.329.936.881)	(2.727.063.581)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	480.851.749
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1.773.137.600)	(1.147.857.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		32.450.685.565	29.700.250.066
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(85.126.236.569)	(146.316.358.219)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	10.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		605.737.398	2.366.266.627
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(84.520.499.171)	(133.950.091.592)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	36.764.987.273
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		88.956.773.235	105.664.783.159
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(38.752.309.963)	(23.703.902.264)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.370.834.000)	(4.974.956.848)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		44.833.629.272	113.750.911.320
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(7.236.184.334)	9.501.069.794
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		24.112.423.850	14.611.354.056
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	16.876.239.516	24.112.423.850

Người lập biểu

Nguyễn Thanh Chương

Kế toán trưởng

Hoàng Trọng Thư



Vũ Thanh Liêm

Thành phố Thái Bình, ngày 20 tháng 02 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Hà Nội – Thái Bình được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần theo quyết định số 731/QĐ-UB ngày 04/04/2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình và được bán giao làm đơn vị thành viên Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu – NGK Hà Nội theo công văn số 3047/CN-TCCB ngày 13/06/2005 của Bộ Công Nghiệp.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 080300218 ngày 29/07/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Bình cấp. Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 1000317707 thay đổi lần 4 ngày 13 tháng 08 năm 2012..

Trụ sở chính của Công ty tại số 309 Lý Thường Kiệt, Phường Trần Lãm, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất;

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất bia chai, bia hơi;

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực đo Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 26 năm
- Máy móc, thiết bị	07 – 12 năm
- Phương tiện vận tải	06 – 10 năm
- Dụng cụ quản lý	03 – 06 năm
- Phần mềm máy tính	03 năm

1386

ÔNG T

TRIỆM

VU T

INH K

KIỂM T

M V

P H

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí lãi vay vốn hóa trong năm trị giá 15.201.842.811 đồng

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

8. Nguyên tắc ghi nhận ghi nhận các khoản trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	385.676.792	608.564.000
Tiền gửi ngân hàng	2.623.794.204	9.303.859.850
Các khoản tương đương tiền	13.866.768.520	14.200.000.000
Cộng	16.876.239.516	24.112.423.850

2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu bảo hiểm cá nhân	61.104.000	88.688.000
Phải thu tiền thuế thu nhập cá nhân	11.511.050	7.701.850
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	66.565.480	-
Phải thu khác	183.113.684	45.898.060
Cộng	322.294.214	142.287.910

3. Hàng tồn kho

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.686.047.096	8.165.765.493
Công cụ, dụng cụ	411.687.839	831.652.839
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.295.748.306	4.894.961.265
Thành phẩm	969.985.354	815.355.486
Cộng giá gốc hàng tồn kho	9.363.468.595	14.707.735.083

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	11.430.354.778	85.346.409.049	1.279.990.290	1.303.454.838	99.360.208.955
Số tăng trong năm	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	11.430.354.778	85.346.409.049	1.279.990.290	1.303.454.838	99.360.208.955
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	8.749.663.188	62.848.142.015	928.327.433	945.624.523	73.471.757.159
Số tăng trong năm	299.926.096	4.004.237.299	139.068.810	197.940.313	4.641.172.518
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	9.049.589.284	66.852.379.314	1.067.396.243	1.143.564.836	78.112.929.677
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	2.680.691.590	22.498.267.034	351.662.857	357.830.315	25.888.451.796
Tại ngày cuối năm	2.380.765.494	18.494.029.735	212.594.047	159.890.002	21.247.279.278

Đơn vị tính: VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	Phần mềm máy tính	
Nguyên giá		
Số dư đầu năm		107.282.000
Số tăng trong năm		-
Số giảm trong năm		-
Số dư cuối năm		<u>107.282.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm		79.922.685
Số tăng trong năm		27.359.315
Số giảm trong năm		-
Số dư cuối năm		<u>107.282.000</u>
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm		<u>27.359.315</u>
Tại ngày cuối năm		<u>-</u>

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Dự án xây dựng nhà máy bia 50tr lít/năm	120.465.658.889	35.025.180.415
Mua sắm tài sản cố định	52.808.004.734	51.550.338.067
Cộng	<u>173.273.663.623</u>	<u>86.575.518.482</u>

7. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	961.257.713	819.703.519
Chi phí sửa chữa lớn tài sản	15.013.882	224.064.668
Chi phí bảo trì phần mềm máy tính	30.250.000	27.250.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	1.406.831.217
Cộng	<u>1.006.521.595</u>	<u>2.477.849.404</u>

8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	881.325.564
Thuế tiêu thụ đặc biệt	3.346.415.972	3.982.318.138
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.742.240.504	4.247.436.881
Thuế thu nhập cá nhân	23.191.030	12.438.850
Thuế tài nguyên	370.372	369.953
Cộng	<u>8.112.217.878</u>	<u>9.123.889.386</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

9. Chi phí phải trả

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	1.571.908.572	-
Chi phí phải trả khác	1.619.000.000	1.665.428.864
Cộng	3.190.908.572	1.665.428.864

10. Các khoản phải trả phải nộp khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	154.195.760	183.296.084
Bảo hiểm xã hội	2.625.000	-
Cổ tức phải trả	62.136.050	328.050
Chiết khấu tạm giữ của khách hàng	297.781.200	688.655.500
Các khoản phải trả, phải nộp khác	383.500	383.500
Cộng	517.121.510	872.663.134

11. Các khoản phải trả dài hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nhận ký cược Keg bia, két nhựa	909.312.000	745.032.000
Nhận ký cược vỏ chai thủy tinh	1.459.418.506	1.437.339.796
Cộng	2.368.730.506	2.182.371.796

12. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay dài hạn ngân hàng	134.115.621.542	48.911.158.270
Cộng	134.115.621.542	48.911.158.270

(*) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Thăng Long theo HĐTD số 224/11/VCBTL-ĐTDA ngày 31/08/2011 để đầu tư xây dựng nhà máy bia công suất 50 triệu lít/năm. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Thời hạn vay 96 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng sự bảo lãnh của Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Hà Nội và tài sản hình thành trong tương lai từ vốn vay ước tính trị giá 454 tỷ đồng.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

13. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Số dư đầu năm trước	40.000.000.000	2.992.269.400	6.703.020.153	2.663.000.000	22.002.015.843	
Tăng vốn trong năm trước	36.912.260.000	(147.272.727)			12.790.181.778	
Lãi trong năm trước			14.683.387.045	697.000.000	(17.027.387.045)	
Trích lập các quỹ					(4.974.628.798)	
Chia cổ tức 2010						
Số dư đầu năm nay	76.912.260.000	2.844.996.673	21.386.407.198	3.360.000.000	12.790.181.778	
Lãi trong năm nay			6.057.539.778		10.435.714.574	
Trích lập các quỹ					(6.457.539.778)	
Chia cổ tức 2011					(5.432.642.000)	
Thường ban quản lý					(400.000.000)	
Quỹ trợ cấp mất việc làm					(500.000.000)	
Số dư cuối năm	76.912.260.000	2.844.996.673	27.443.946.976	3.360.000.000	10.435.714.574	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2012 VND	%	01/01/2012 VND	%
Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Hà Nội	51.000.000.000	66,3	51.000.000.000	66,3
Vốn góp của các đối tượng khác	25.912.260.000	33,7	25.912.260.000	33,7
Cộng	76.912.260.000	100	76.912.260.000	100

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	76.912.260.000	40.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	36.912.260.000
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	76.912.260.000	76.912.260.000
Cổ tức đã chia	5.432.642.000	4.974.628.798

d) Cổ phiếu

	31/12/2012	01/01/2012
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.691.226	7.691.226
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.691.226	7.691.226
- Cổ phiếu phổ thông	7.691.226	7.691.226
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.691.226	7.691.226
- Cổ phiếu phổ thông	7.691.226	7.691.226

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng / cổ phiếu

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	165.315.242.400	160.692.961.601
Doanh thu khác	2.090.308.001	1.997.626.619
Cộng	167.405.550.401	162.690.588.220

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm nay VND	Năm trước VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	51.304.730.400	49.870.229.462
Cộng	51.304.730.400	49.870.229.462
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thuần bán hàng hóa, thành phẩm	114.010.512.000	110.822.732.139
Doanh thu thuần khác	2.090.308.001	1.997.626.619
Cộng	116.100.820.001	112.820.358.758
4. Giá vốn hàng bán	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm đã bán	91.287.005.399	90.467.800.990
Giá vốn khác	495.916.215	413.256.599
Cộng	91.782.921.614	90.881.057.589
5. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	672.302.878	1.743.544.627
Lãi chênh lệch tỷ giá	134.215	-
Cộng	672.437.093	1.743.544.627
6. Chi phí tài chính	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	66.757.007	154.532.718
Cộng	66.757.007	154.532.718

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 25% trên thu nhập chịu thuế.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	15.260.455.078	17.164.063.129
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	2.464.679.108	325.684.396
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.464.679.108	325.684.396
+ Chi phí không được khấu trừ	2.464.679.108	325.684.396
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng lợi nhuận tính thuế	17.725.134.186	17.489.747.525
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước	393.456.957	1.444.470
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.824.740.504	4.373.881.351

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.435.714.574	12.790.181.778
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.435.714.574	12.790.181.778
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	7.691.226	5.240.767
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.357	2.441

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	64.488.901.069	67.620.772.905
Chi phí nhân công	18.910.555.973	16.274.522.183
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.668.531.833	4.653.984.576
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.568.022.968	5.289.971.630
Chi phí khác bằng tiền	4.870.123.948	4.365.998.347
Cộng	98.506.135.791	98.205.249.641

84-C
CÔNG TY
HỮU HẠN
TỰ VẤN
KẾ TOÁN
VIỆT
ĐẠI CHỨC

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Hà Nội	Công ty mẹ	Bán hàng	83.129.148.000
		Mua NVL	15.261.159.726
		Cổ tức	3.281.800.000
		Thanh toán nợ vay	35.000.000.000
		Lãi vay	1.257.666.667

Đến 31/12/2012, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải thu(VND)
Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Hà Nội	Công ty mẹ	Bán hàng	3.406.254.300

2. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và kiểm toán Nam Việt (AASCN) kiểm toán.

Người lập biểu

Nguyễn Thanh Chương

Kế toán trưởng

Hoàng Trọng Thư



Vũ Thanh Liêm

Thành phố Thái Bình, ngày 20 tháng 02 năm 2013